

Số: 2000/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 18 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành
thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019);

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ); Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 526/QĐ-LĐTBXH ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - TBXH về việc công bố các thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng Quyết định Về việc công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang (Có danh mục và nội dung TTHC kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Hà Giang; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng KTTH - Văn phòng;
- Lưu: VT, PVHCC



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn


**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH HÀ GIANG**
(Kèm theo Quyết định số: 2000/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)


**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Mã TTHC gốc	Tên thủ tục hành chính
(1)	(2)	(3)
I	Lĩnh vực: Việc làm	
1	1.000105	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài
II	Lĩnh vực: Hoạt động xây dựng	
1	1.009972	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
2	1.009973	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở
3	1.009974	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).
4	1.009975	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).
5	1.009977	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).
6	1.009978	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).
7	1.009979	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).

Phần II
NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Mã thủ tục: 1.000105.					
Tên thủ tục: Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.					
1. Cấp thực hiện: Cấp tỉnh.					
2. Lĩnh vực: Việc làm.					
3. Trình tự thực hiện:					
3.1	Gửi (nộp) hồ sơ TTHC				
<p>Trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài, người sử dụng lao động (trừ nhà thầu) có trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được và gửi báo cáo giải trình về nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo Mẫu số 01/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Ban Quản lý khu kinh tế) nơi người lao động nước ngoài dự kiến làm việc.</p> <p>Trong quá trình thực hiện nếu thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài thì người sử dụng lao động (trừ nhà thầu) gửi báo cáo giải trình thay đổi theo Mẫu số 02/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Ban Quản lý khu kinh tế) trước ít nhất 30 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài.</p>					
Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.					
Địa điểm gửi hồ sơ: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang - Số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang và Hệ thống dịch vụ công trực tuyến: Công Dịch vụ công tỉnh Hà Giang (dichvucong.hagiang.gov.vn), Cổng dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).					
Thành phần hồ sơ:					
STT	Tên thành phần hồ sơ	Mẫu thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn		Số lượng
			Trực tiếp hoặc qua DVBCCI	DVC trực tuyến	
1	Báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo Mẫu số 01/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số	 Mau1.docx	Bản chính văn bản giấy	Bản điện tử được ký số	01

152/2020/NĐ- CP hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo Mẫu số 02/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP	 Mau2.docx			
---	--	--	--	--

Số lượng hồ sơ: 01.


3.2 Giải quyết hồ sơ TTHC

Bước 1: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo giải trình hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài, Ban Quản lý khu kinh tế thẩm định, trình UBND tỉnh chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc theo Mẫu số 03/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử

Địa điểm gửi hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang

Thành phần hồ sơ:



STT	Tên thành phần hồ sơ	Mẫu thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn		Số lượng
			Trực tiếp hoặc qua DVBCCI	DVC trực tuyến	
1	Tờ trình kèm dự thảo văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc	 Mau3.docx	Bản chính văn bản giấy	Bản điện tử được ký số	01
2	Hồ sơ tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		Bản sao	Bản điện tử được ký số, Bản sao điện tử	01

Số lượng hồ sơ: 01.

Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Ban Quản lý khu kinh tế, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc theo Mẫu số 03/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.


Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử.

Địa điểm trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Số 519, đường

Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang					
Kết quả giải quyết:					
STT	Tên kết quả TTHC	Mẫu kết quả TTHC	Tiêu chuẩn		Số lượng
			Trực tiếp hoặc qua DVBCCI	DVC trực tuyến	
1	Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc	 Mau3.docx	Bản chính văn bản giấy	Bản điện tử được ký số	01
Bước 3: Ban Quản lý khu kinh tế trả kết quả cho khách hàng					
Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua địa chỉ hòm thư điện tử đã đăng ký.					
Địa điểm trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang - Số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang và hệ thống dịch vụ công trực tuyến Công Dịch vụ công tỉnh Hà Giang (dichvucong.hagiang.gov.vn), Công dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn).					
Kết quả giải quyết:					
STT	Tên kết quả TTHC	Mẫu kết quả TTHC	Tiêu chuẩn		Số lượng
			Trực tiếp hoặc qua DVBCCI	DVC trực tuyến	
1	Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc.	 Mau3.docx	Bản chính văn bản giấy	Bản điện tử được ký số	01
4	Thời hạn giải quyết: - Theo quy định của pháp luật: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định. - Theo thực tế tại địa phương: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.				
5	Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: - Doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư hoặc theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. - Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có trụ sở chính tại một tỉnh, thành phố nhưng có văn phòng đại diện hoặc chi				

	<p>nhánh tại tỉnh, thành phố khác;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng. - Văn phòng đại diện, chi nhánh của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập. - Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc của nhà thầu nước ngoài được đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật; - Tổ chức hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập và hoạt động theo Luật hợp tác xã;
	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ kinh doanh, cá nhân được phép hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật. - Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập. - Tổ chức phi chính phủ nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy đăng ký theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Tổ chức sự nghiệp, cơ sở giáo dục do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập. - Một số trường hợp người lao động nước ngoài không phải thực hiện báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài: <ul style="list-style-type: none"> + Là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên; + Là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên; + Là Trưởng văn phòng đại diện, dự án hoặc chịu trách nhiệm chính về hoạt động của tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam. + Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để thực hiện chào bán dịch vụ. + Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để xử lý những sự cố, tình huống kỹ thuật, công nghệ phức tạp nảy sinh làm ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng tới sản xuất, kinh doanh mà các chuyên gia Việt Nam và các chuyên gia nước ngoài hiện đang ở Việt Nam không xử lý được. + Vào Việt Nam thực hiện thoả thuận quốc tế mà cơ quan, tổ chức ở Trung ương, cấp tỉnh ký kết theo quy định của pháp luật; + Người lao động nước ngoài vào Việt Nam làm việc tại vị trí chuyên gia, nhà quản lý, giám đốc điều hành hoặc lao động kỹ thuật có thời gian làm việc dưới 30 ngày và không quá 03 lần trong 01 năm. + Học sinh, sinh viên đang học tập tại các trường, cơ sở đào tạo ở nước ngoài có thoả thuận thực tập trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam; học viên thực tập, tập sự trên tàu biển Việt Nam;

	<ul style="list-style-type: none"> + Có hộ chiếu công vụ vào làm việc cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; + Người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại; + Thân nhân thành viên cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam được phép làm việc tại Việt Nam theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
6	<p>Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế. - Cơ quan phối hợp: Không. - Cơ quan có thẩm quyền: Ủy ban nhân dân tỉnh.
7	<p>Phí, lệ phí (nếu có): Không.</p>
8	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Người sử dụng lao động xác định được nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được.</p>
9	<p>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Lao động 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Quyết định số 526/QĐ-LĐTBXH ngày 06/5/2021 của Bộ Lao động - TBXH về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.


Mã thủ tục: 1.009972				
Tên thủ tục: Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng				
1. Cấp thực hiện: Cấp tỉnh				
2. Lĩnh vực: Hoạt động xây dựng				
3. Trình tự thực hiện:				
3.1	Gửi (nộp) hồ sơ thủ tục hành chính			
Người đề nghị thẩm định nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng cho Bộ phận Một cửa của Ban Quản lý khu kinh tế				
Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.				
Địa điểm nộp: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang) hoặc qua dịch vụ công trực tuyến.				
Thành phần hồ sơ:				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Mẫu thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn	Số lượng
1	Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.	 Mẫu 01 PL I Nghị định số 15-2021.doc	Bản chính văn bản giấy hoặc văn bản điện tử được ký số	01
2	Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư		Bản chính hoặc Bản sao chứng thực bản giấy hoặc Bản sao chứng thực điện tử	01
3	Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu)		Bản chính hoặc Bản sao chứng thực bản giấy hoặc Bản sao chứng thực điện tử	01
4	Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyển, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với công trình xây dựng theo		Bản chính hoặc Bản sao chứng thực bản giấy hoặc Bản sao chứng thực điện tử	01

HÀ GIANG

	tuyên; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng			
5	Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường)		Bản chính hoặc Bản sao chứng thực bản giấy hoặc Bản sao chứng thực điện tử	01
6	Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có)		Bản chính hoặc Bản sao chứng thực bản giấy hoặc Bản sao chứng thực điện tử	01
7	Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có)		Bản chính hoặc Bản sao chứng thực bản giấy hoặc Bản sao chứng thực điện tử	01
8	Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án;		Bản chính văn bản giấy hoặc Văn bản điện tử được ký số	01
9	Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra		Bản sao chứng thực bản giấy hoặc Bản sao chứng thực điện tử	01
10	Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu xem xét tổng mức đầu tư, ngoài các nội dung quy định nêu trên, hồ sơ trình thẩm định phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu về giá, định mức có		Bản chính văn bản giấy hoặc Văn bản điện tử được ký số	01

	liên quan để xác định tổng mức đầu tư; báo giá, kết quả thẩm định giá			
Số lượng hồ sơ: 01				
3.2	Giải quyết hồ sơ TTHC			
<p>Bước 1: Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ; + Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp: Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; Không thuộc đối tượng phải thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định; Hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; + Gửi văn bản đến các cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy để thực hiện lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở trong trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu. <p>Bước 2: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan chuyên môn về xây dựng dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có quyền tạm dừng thẩm định (không quá 01 lần) và thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định. Trường hợp các lỗi, sai sót nêu trên không thể khắc phục được trong thời hạn 20 ngày thì cơ quan chuyên môn về xây dựng dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu. - Trong thời gian không quá 35 ngày đối với dự án nhóm A, không quá 25 ngày đối với dự án nhóm B, không quá 15 ngày đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cơ quan chuyên môn về xây dựng ra thông báo kết quả thẩm định kèm theo hồ sơ bản vẽ được đóng dấu. <p>Bước 3: Người đề nghị thẩm định thực hiện thanh toán tiền phí, lệ phí theo quy định (Mục Hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính http://dichvucong.hagiang.gov.vn) hoặc thanh toán Trực tiếp hoặc qua DVBCCI tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>Bước 4: Sau khi nhận được tiền phí, lệ phí Ban Quản lý khu kinh tế trả kết quả cho người đề nghị thẩm định.</p> <p><i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký.</p> <p><i>Địa điểm trả kết quả:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang) hoặc qua địa chỉ thư điện tử khách hàng đã đăng ký trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (http://dichvucong.hagiang.gov.vn).</p> <p><i>Kết quả giải quyết:</i></p>				
STT	Tên kết quả TTHC	Mẫu kết quả TTHC	Tiêu chuẩn	Số lượng
1	Tờ trình hoặc Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế		Bản chính văn bản giấy hoặc bản điện tử được ký số	01

	có đóng dấu thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng			
4	Thời hạn giải quyết: - Theo quy định của pháp luật: Dự án nhóm A không quá 35 ngày, dự án nhóm B không quá 25 ngày, dự án nhóm C không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Theo quy định của địa phương: Dự án nhóm A không quá 35 ngày, dự án nhóm B không quá 25 ngày, dự án nhóm C không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5	Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư hoặc tổ chức/cá nhân được người quyết định đầu tư/cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao chuẩn bị dự án.			
6	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: - Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế - Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, đơn vị có liên quan. - Cơ quan có thẩm quyền: Ban Quản lý khu kinh tế			
7	Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở. (Áp dụng Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ Tài chính kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021).			
8	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Hồ sơ trình thẩm định phải bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được xem là hợp lệ khi bảo đảm các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, đúng quy cách, được trình bày với ngôn ngữ chính là tiếng Việt và được người đề nghị thẩm định kiểm tra, xác nhận. Phần hồ sơ thiết kế kiến trúc trong hồ sơ thiết kế xây dựng (nếu có) cần tuân thủ theo pháp luật về kiến trúc.			
9	Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.			

Mã thủ tục: 1.009973				
Tên thủ tục: Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở				
1. Cấp thực hiện: Cấp tỉnh				
2. Lĩnh vực: Hoạt động xây dựng				
3. Trình tự thực hiện:				
3.1	Gửi (nộp) hồ sơ thủ tục hành chính			
Người đề nghị thẩm định nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở cho Bộ phận Một cửa của Ban Quản lý khu kinh tế				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.				
<i>Địa điểm gửi hồ sơ:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang) hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ (http://dichvucong.hagiang.gov.vn).				
Thành phần hồ sơ:				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Mẫu thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn	Số lượng
1	Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.	 Mẫu 04 PL I Nghị định số 15-2021.doc	Bản chính văn bản giấy hoặc Bản điện tử được ký số	01
2	Các văn bản pháp lý kèm theo, gồm: quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của Nhà thầu tư vấn thẩm tra được chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu); văn bản thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy, kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu) và các văn bản khác có liên quan (<i>Thủ tục về phòng cháy chữa cháy được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình tại thời điểm</i>		Bản chính văn bản giấy hoặc văn bản điện tử được ký số hoặc bản sao chứng thực điện tử	01



	<i>trình hồ sơ thẩm định, song phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định).</i>			
3	Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt; hồ sơ thiết kế xây dựng của bước thiết kế xây dựng trình thẩm định		Bản chính văn bản giấy hoặc Bản điện tử được ký số	01
4	Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra; mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có)		Bản sao có chứng thực bản giấy hoặc Bản sao chứng thực điện tử	01
5	Đối với các công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự toán xây dựng, ngoài các nội dung quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản này, hồ sơ phải có thêm dự toán xây dựng; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định dự toán xây dựng; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).		Bản chính văn bản giấy hoặc Bản điện tử được ký số	01
6	Đối với điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư phải nộp báo cáo tình hình thực tế thi công xây dựng công trình (trường hợp công trình đã thi công xây dựng)		Bản chính văn bản giấy hoặc Bản điện tử được ký số	01

Số lượng hồ sơ: 01

3.2 Giải quyết hồ sơ TTHC

Bước 1: Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm:

- + Gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ;
- + Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp: Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; Không thuộc đối tượng phải thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định; Hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;
- + Gửi văn bản đến các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến phối hợp thẩm định.

Bước 2: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan chuyên môn về xây dựng dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

- Trong quá trình thẩm định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có quyền tạm dừng thẩm định (không quá 01 lần) và thông báo kịp thời đến người đề nghị thẩm định các lỗi, sai sót về thông tin, số liệu trong nội dung hồ sơ dẫn đến không thể đưa ra kết luận thẩm định. Trường hợp các lỗi, sai sót nêu trên không thể khắc phục được trong thời hạn 20 ngày thì cơ quan chuyên môn về xây dựng dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

- Trong thời gian không quá 40 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; không quá 30 ngày đối với công trình cấp II, III; không quá 20 ngày đối với công trình còn lại kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cơ quan chuyên môn về xây dựng ra thông báo kết quả thẩm định kèm theo hồ sơ bản vẽ được đóng dấu.

Bước 3: Người đề nghị thẩm định thực hiện thanh toán tiền phí, lệ phí theo quy định (Mục Hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính <http://dichvucong.hagiang.gov.vn>) hoặc thanh toán Trực tiếp hoặc qua DVBCCI tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Bước 4: Sau khi nhận được tiền phí, lệ phí Ban Quản lý khu kinh tế trả kết quả cho người đề nghị thẩm định.


Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký.

Địa điểm trả kết quả: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang) hoặc qua địa chỉ thư điện tử khách hàng đã đăng ký trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (<http://dichvucong.hagiang.gov.vn>).

Kết quả giải quyết:

STT	Tên kết quả TTHC	Mẫu kết quả TTHC	Tiêu chuẩn	Số lượng
1	Tờ trình hoặc Thông báo kết quả thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở kèm theo hồ sơ thiết kế có đóng dấu thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng		Bản chính văn bản giấy hoặc Bản điện tử được ký số	01
4	Thời hạn giải quyết: - Theo quy định của pháp luật: Không quá 40 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; không quá 30 ngày đối với công trình cấp II, III; không quá 20 ngày đối với công trình còn lại kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Theo quy định của địa phương: Không quá 40 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; không quá 30 ngày đối với công trình cấp II, III; không quá 20 ngày đối với công trình còn lại kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5	Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư hoặc tổ chức/cá nhân được người quyết định đầu tư/cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao chuẩn bị dự án.			
6	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: - Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế			

	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành, đơn vị có liên quan. - Cơ quan có thẩm quyền: Ban Quản lý khu kinh tế
7	<p>Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng (Áp dụng Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 của Bộ Tài chính kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021).</p>
8	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>Hồ sơ trình thẩm định phải bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được xem là hợp lệ khi bảo đảm các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 37 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, đúng quy cách, được trình bày với ngôn ngữ chính là tiếng Việt và được người đề nghị thẩm định kiểm tra, xác nhận. Phần hồ sơ thiết kế kiến trúc trong hồ sơ thiết kế xây dựng (nếu có) cần tuân thủ theo pháp luật về kiến trúc.</p>
9	<p>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Mã thủ tục: 1.009974				
Tên thủ tục: Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).				
1. Cấp thực hiện: Cấp tỉnh				
2. Lĩnh vực: Hoạt động xây dựng				
3. Trình tự thực hiện:				
3.1 Gửi (nộp) hồ sơ thủ tục hành chính				
Tổ chức, cá nhân: Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng gửi hồ sơ đến Ban Quản lý khu kinh tế				
Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4				
Địa điểm nộp: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang) hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ (http://dichvucong.hagiang.gov.vn)				
Thành phần hồ sơ:				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Mẫu thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn	Số lượng
1	Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ (riêng đối với mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn thì tiêu đề của đơn đổi thành “Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn”); thành phần hồ sơ khác cho từng loại công trình, cụ thể như sau:	 Đơn đề nghị cấp GPXD.docx	Bản chính văn bản giấy hoặc Bản điện tử được ký số	01
2	Đối với công trình không theo tuyến:- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm		Bản chính văn bản giấy hoặc bản sao chứng thực bản giấy hoặc Bản điện tử được ký số hoặc Bản sao chứng thực điện tử	01

	<p>định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p>			
3	<p>Đối với công trình theo tuyến:- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến hoặc Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai. - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: sơ đồ vị trí tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình; bản vẽ các mặt cắt dọc và mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p>		<p>Bản chính văn bản giấy hoặc bản sao chứng thực bản giấy hoặc Bản điện tử được ký số hoặc Bản sao chứng thực điện tử</p>	01
4	<p>Đối với công trình tín ngưỡng, tôn giáo: - Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình</p>		<p>Bản chính văn bản</p>	01

	<p>tôn giáo gồm các tài liệu như quy định tại mục “(1.1) Đối với công trình không theo tuyến” và văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng gồm các tài liệu như quy định tại Điều 46 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ gồm: + Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. + 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy kèm theo bản vẽ thẩm duyệt trong trường hợp pháp luật về phòng cháy và chữa cháy có yêu cầu; báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng trong trường hợp pháp luật về xây dựng có yêu cầu, gồm: Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất kèm theo sơ đồ vị trí công trình; Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình; Bản vẽ mặt bằng móng và mặt cắt móng kèm theo sơ đồ đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình gồm cấp nước, thoát nước, cấp điện; Đối với công trình xây dựng có công trình liên kết phải có bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liên kết. - Ý kiến của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trường hợp pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo có quy định); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng đối với các công trình tín ngưỡng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng; - Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng, tôn giáo thuộc dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, ngoài các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, phải bổ sung văn bản về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.</p>		<p>giấy hoặc bản sao chứng thực bản giấy hoặc Bản điện tử được ký số hoặc Bản sao chứng thực điện tử</p>	
5	<p>Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng: - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết</p>		<p>Bản chính văn bản giấy hoặc bản sao chứng thực bản giấy</p>	01

	<p>kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. - Văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa.</p>		<p>hoặc Bản diễn từ được ký số hoặc Bản sao chứng thực điện tử</p>	
6	<p>Đối với công trình của các cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế: - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng</p>		<p>Bản chính văn bản giấy hoặc bản sao chứng thực bản giấy hoặc Bản diễn từ được ký số hoặc Bản sao chứng thực điện tử</p>	01

<p>mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. - Các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam.</p>			
--	--	--	--

Số lượng hồ sơ: 01

3.2 Giải quyết hồ sơ TTHC

Ban Quản lý khu kinh tế tiếp nhận hồ sơ của chủ đầu tư:

Bước 1:

- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa.
- Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận bổ sung hồ sơ nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Trường hợp việc bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo đến chủ đầu tư về lý do không cấp giấy phép
- Trong thời gian 12 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời hạn trên, nếu các cơ quan này không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; cơ quan cấp giấy phép xây dựng căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng.

* Trả TTHC

Bước 2: Chủ đầu tư thực hiện thanh toán tiền phí, lệ phí theo quy định (Mục Hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính <http://dichvucong.hagiang.gov.vn>) hoặc thanh toán Trực tiếp hoặc qua DVBCCI tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Bước 3: Sau khi nhận được tiền phí, lệ phí Ban Quản lý khu kinh tế trả kết quả cho chủ đầu tư.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký.


Địa điểm trả kết quả: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang) hoặc qua địa chỉ thư điện tử khách hàng đã đăng ký trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (<http://dichvucong.hagiang.gov.vn>).

Kết quả giải quyết:

STT	Tên kết quả TTHC	Mẫu kết quả TTHC	Tiêu chuẩn	Số lượng
1	Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế		Bản chính văn bản giấy hoặc vớ bản	01

			điện tử được ký số
4	Thời hạn giải quyết: 20 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		
5	Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)		
6	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: - Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế - Cơ quan phối hợp: - Cơ quan có thẩm quyền: Ban Quản lý khu kinh tế		
7	Phí, lệ phí (nếu có): 150.000 đồng/giấy phép		
8	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. (Đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị thì phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản). - Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thuỷ lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hoá; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh. - Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định. <p>8</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với khu vực chưa có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thì quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có liên quan hoặc quy chế quản lý kiến trúc hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng (đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị) là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng. - Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định của pháp luật về quy hoạch, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện có quy mô nhỏ hơn 05 héc ta (nhỏ hơn 02 héc ta đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư) thì quy hoạch phân khu xây dựng là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng. - Đối với các công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, báo cáo kết quả thẩm tra ngoài các yêu cầu riêng của chủ đầu tư, phải có kết luận đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng. 		
9	<p>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; 		

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND ngày 24/4/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang Quy định về lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Giang;
- Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng về việc công bố TTHC ban hành mới; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ xây dựng.

Mã thủ tục: 1.009975				
Tên thủ tục: Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).				
1. Cấp thực hiện: Cấp tỉnh				
2. Lĩnh vực: Xây dựng				
3. Trình tự thực hiện:				
3.1	Gửi (nộp) hồ sơ thủ tục hành chính			
Tổ chức, cá nhân: Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình đến Ban Quản lý khu kinh tế				
Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3				
Địa điểm nộp: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang) hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 tại địa chỉ (http://dichvucong.hangiang.gov.vn)				
Thành phần hồ sơ:				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Mẫu thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn	Số lượng
1	- Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.	 M1.docx	Bản chính văn bản giấy hoặc văn bản điện tử được ký số	01
2	Một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật.		Bản chính văn bản giấy hoặc bản sao chứng thực bản giấy hoặc Bản điện tử được ký số hoặc Bản sao chứng thực điện tử	01
3	Bản vẽ hiện trạng của các bộ phận công trình dự kiến sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (kích thước tối thiểu 10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo.		Bản chính văn bản giấy hoặc bản sao chứng thực bản giấy hoặc Bản điện tử được ký số hoặc Bản sao chứng thực điện tử	01
4	Hồ sơ thiết kế sửa chữa, cải tạo tương ứng với mỗi loại công trình theo quy định tại		Bản chính văn bản giấy hoặc	01

	Điều 43 hoặc Điều 46 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.		bản sao chứng thực bản giấy hoặc Bản điện tử được ký số hoặc Bản sao chứng thực điện tử	
5	Đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng thì phải có văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa.		Bản chính văn bản giấy hoặc bản sao chứng thực bản giấy hoặc Bản điện tử được ký số hoặc Bản sao chứng thực điện tử	01

Số lượng hồ sơ: 01

3.2 Giải quyết hồ sơ TTHC

Ban Quản lý khu kinh tế tiếp nhận hồ sơ của chủ đầu tư:

Bước 1: Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa.

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận bổ sung hồ sơ nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Trường hợp việc bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo đến chủ đầu tư về lý do không cấp giấy phép.

- Trong thời gian 12 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời hạn trên, nếu các cơ quan này không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; cơ quan cấp giấy phép xây dựng căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng.

* Trả TTHC

Bước 2: Chủ đầu tư thực hiện thanh toán tiền phí, lệ phí theo quy định (Mục Hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính <http://dichvucong.hagiang.gov.vn>) hoặc thanh toán Trực tiếp hoặc qua DVBCCI tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.


Bước 3: Sau khi nhận được tiền phí, lệ phí Ban Quản lý khu kinh tế trả kết quả cho chủ đầu tư.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký.

Địa điểm trả kết quả: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang) hoặc qua địa chỉ thư điện tử khách hàng đã đăng ký trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (<http://dichvucong.hagiang.gov.vn>).

Kết quả giải quyết:				
STT	Tên kết quả TTHC	Mẫu kết quả TTHC	Tiêu chuẩn	Số lượng
1	Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế trình xin cấp giấy phép xây dựng có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng.		Bản chính văn bản giấy hoặc vẽ bản điện tử được ký số	01
4	Thời hạn giải quyết: 20 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5	Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân (gọi tắt là Chủ đầu tư)			
6	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế - Cơ quan phối hợp: - Cơ quan có thẩm quyền: Ban Quản lý khu kinh tế 			
7	Phí, lệ phí (nếu có): 150.000 đồng/giấy phép			
8	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): <ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. (Đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị thì phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản). - Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh. - Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định. - Đối với khu vực chưa có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thì quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có liên quan hoặc quy chế quản lý kiến trúc hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng (đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị) là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng. - Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định của pháp luật về quy hoạch, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện có quy mô nhỏ hơn 05 héc ta (nhỏ hơn 02 héc ta đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư) thì quy hoạch phân khu xây dựng là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng. - Đối với các công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật Xây dựng năm 			

	<p>2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, báo cáo kết quả thẩm tra ngoài các yêu cầu riêng của chủ đầu tư, phải có kết luận đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng.</p>
9	<p>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none">- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;- Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND ngày 24/4/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang;- Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng về việc công bố TTHC ban hành mới; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ xây dựng.

Mã thủ tục: 1.009977				
Tên thủ tục: Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).				
1. Cấp thực hiện: Cấp tỉnh				
2. Lĩnh vực: Xây dựng				
3. Trình tự thực hiện:				
3.1	Gửi (nộp) hồ sơ thủ tục hành chính			
Tổ chức, cá nhân: Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng đến Ban Quản lý khu kinh tế				
Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3				
Địa điểm nộp: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang) hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 tại địa chỉ (http://dichvucong.hagiang.gov.vn)				
Thành phần hồ sơ:				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Mẫu thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn	Số lượng
1	Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;	 M2.docx	Bản chính văn bản giấy hoặc Bản điện tử được ký số	01
2	Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;		Bản chính văn bản giấy hoặc Bản điện tử được ký số	01
3	Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200;		Bản sao chứng thực bản giấy hoặc Bản sao chứng thực điện tử	01
4	Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.		Bản sao chứng thực bản giấy hoặc Bản sao chứng thực điện tử	01
Số lượng hồ sơ: 01				
3.2	Giải quyết hồ sơ TTHC			

Ban Quản lý khu kinh tế tiếp nhận hồ sơ của chủ đầu tư:

Bước 1: Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa.

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận bổ sung hồ sơ nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Trường hợp việc bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo đến chủ đầu tư về lý do không cấp giấy phép.

- Trong thời gian 12 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời hạn trên, nếu các cơ quan này không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; cơ quan cấp giấy phép xây dựng căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng.

*** Trả TTHC**

Bước 2: Chủ đầu tư thực hiện thanh toán tiền phí, lệ phí theo quy định (Mục Hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính <http://dichvucong.hagiang.gov.vn>) hoặc thanh toán Trực tiếp hoặc qua DVBCCI tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Bước 3: Sau khi nhận được tiền phí, lệ phí Ban Quản lý khu kinh tế trả kết quả cho chủ đầu tư.


Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký.

Địa điểm trả kết quả: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang) hoặc qua địa chỉ thư điện tử khách hàng đã đăng ký trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (<http://dichvucong.hagiang.gov.vn>).

Kết quả giải quyết:

STT	Tên kết quả TTHC	Mẫu kết quả TTHC	Tiêu chuẩn	Số lượng
1	Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế điều chỉnh		Bản chính văn bản giấy hoặc vã bản điện tử được ký số	01
4	Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5	Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài			
6	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: - Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế - Cơ quan phối hợp: - Cơ quan có thẩm quyền: Ban Quản lý khu kinh tế			
7	Phí, lệ phí (nếu có): Không			
8	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):			

	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. (Đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị thì phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản). - Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh. - Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định. - Đối với khu vực chưa có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thì quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có liên quan hoặc quy chế quản lý kiến trúc hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng (đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị) là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng. - Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định của pháp luật về quy hoạch, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện có quy mô nhỏ hơn 05 héc ta (nhỏ hơn 02 héc ta đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư) thì quy hoạch phân khu xây dựng là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng. - Đối với các công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, báo cáo kết quả thẩm tra ngoài các yêu cầu riêng của chủ đầu tư, phải có kết luận đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng.
9	<p>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND ngày 24/4/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang; - Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của UBND tỉnh Hà Giang. - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng về việc công bố TTHC ban hành mới; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ xây dựng.

Mã thủ tục: 1.009978				
Tên thủ tục: Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).				
1. Cấp thực hiện: Cấp tỉnh				
2. Lĩnh vực: Xây dựng				
3. Trình tự thực hiện:				
3.1 Gửi (nộp) hồ sơ thủ tục hành chính				
Tổ chức, cá nhân: Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng đến Ban Quản lý khu kinh tế				
Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4				
Địa điểm nộp: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang) hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ (http://dichvucong.hagiang.gov.vn)				
Thành phần hồ sơ:				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Mẫu thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn	Số lượng
1	- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;	 Đơn đề n hạn giấy ph	Bản chính văn bản giấy hoặc văn bản điện tử được ký số	02
2	Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp		Bản chính văn bản giấy hoặc văn bản điện tử được ký số	01
Số lượng hồ sơ: 02				
3.2 Giải quyết hồ sơ TTHC				
Bước 1:				
(1) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, không hợp lệ:				
- Ban Quản lý khu kinh tế hướng dẫn cho chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ: 02 ngày làm việc				
- Trường hợp việc bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng yêu cầu; Ban Quản lý khu kinh tế trả lại hồ sơ: 01 ngày làm việc				
(2) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đạt yêu cầu:				
- Ban Quản lý khu kinh tế xem xét gia hạn giấy phép xây dựng hoặc cấp lại giấy phép xây dựng cho chủ đầu tư: 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				
Bước 2: Chủ đầu tư thực hiện thanh toán tiền phí, lệ phí theo quy định (Mục Hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính http://dichvucong.hagiang.gov.vn) hoặc thanh toán Trực tiếp				

hoặc qua DVBCCI tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Bước 3: Sau khi nhận được tiền phí, lệ phí Ban Quản lý khu kinh tế trả kết quả cho chủ đầu tư.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua địa chỉ hòm thư đã đăng ký


Địa điểm trả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang)

Kết quả giải quyết:

STT	Tên kết quả TTHC	Mẫu kết quả TTHC	Tiêu chuẩn	Số lượng
1	Giấy phép xây dựng được gia hạn.		Bản chính văn bản giấy hoặc văn bản điện tử được ký số	01
4	Thời hạn giải quyết: 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5	Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân (gọi tắt là Chủ đầu tư)			
6	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: - Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế - Cơ quan phối hợp: - Cơ quan có thẩm quyền: Ban Quản lý khu kinh tế			
7	Phí, lệ phí (nếu có): 15.000 đồng/giấy phép			
8	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): - Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. (Đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị thì phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản). - Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh. - Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định. - Đối với khu vực chưa có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thì quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có liên quan hoặc quy chế quản lý kiến trúc hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng (đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị) là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng.			

	<p>- Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định của pháp luật về quy hoạch, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện có quy mô nhỏ hơn 05 héc ta (nhỏ hơn 02 héc ta đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư) thì quy hoạch phân khu xây dựng là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>- Đối với các công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, báo cáo kết quả thẩm tra ngoài các yêu cầu riêng của chủ đầu tư, phải có kết luận đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng.</p>
9	<p>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND ngày 24/4/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang; - Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của UBND tỉnh Hà Giang. - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng về việc công bố TTHC ban hành mới; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ xây dựng.



Mã thủ tục: 1.009979				
Tên thủ tục: Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).				
1. Cấp thực hiện: Cấp tỉnh				
2. Lĩnh vực: Xây dựng				
3. Trình tự thực hiện:				
3.1	Gửi (nộp) hồ sơ thủ tục hành chính			
Tổ chức, cá nhân: Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng đến Ban Quản lý khu kinh tế				
Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4				
Địa điểm nộp: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang) hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ (http://dichvucong.hagiang.gov.vn)				
Thành phần hồ sơ:				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Mẫu thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn	Số lượng
1	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;	 Đơn đề n hạn giấy ph	Bản chính văn bản giấy hoặc văn bản điện tử được ký số	01
2	Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát).		Bản chính văn bản giấy hoặc văn bản điện tử được ký số	01
Số lượng hồ sơ: 01				
3.2	Giải quyết hồ sơ TTHC			
Bước 1: Ban Quản lý khu kinh tế tiếp nhận hồ sơ của tổ chức:				
(1) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, không hợp lệ:				
- Ban Quản lý khu kinh tế hướng dẫn cho chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ: 02 ngày làm việc				
- Trường hợp việc bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng yêu cầu; Ban Quản lý khu kinh tế trả lại hồ sơ: 01 ngày làm việc				
(2) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đạt yêu cầu:				
- Ban Quản lý khu kinh tế xem xét cấp lại giấy phép xây dựng cho chủ đầu tư: 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				
Bước 2: Ban Quản lý khu kinh tế trả kết quả cho chủ đầu tư.				
Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký.				
Địa điểm trả kết quả: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI tại Trung tâm Phục vụ hành chính công				

tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang) hoặc qua địa chỉ thư điện tử khách hàng đã đăng ký trên Cổng dịch vụ công của tỉnh (<http://dichvucong.hagiang.gov.vn>).

Kết quả giải quyết:				
STT	Tên kết quả TTHC	Mẫu kết quả TTHC	Tiêu chuẩn	Số lượng
1	Giấy phép xây dựng được cấp lại		Bản chính văn bản giấy hoặc văn bản điện tử được ký số	01
4	Thời hạn giải quyết: 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5	Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân (gọi tắt là Chủ đầu tư)			
6	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan thực hiện: Ban Quản lý khu kinh tế - Cơ quan phối hợp: - Cơ quan có thẩm quyền: Ban Quản lý khu kinh tế 			
7	Phí, lệ phí (nếu có): Không			
8	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): <ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. (Đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị thì phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản). - Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh. - Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định. - Đối với khu vực chưa có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thì quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có liên quan hoặc quy chế quản lý kiến trúc hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng (đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị) là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng. - Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định của pháp luật về quy hoạch, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện có quy mô nhỏ hơn 05 héc ta (nhỏ hơn 02 héc ta đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư) thì quy hoạch phân khu xây 			

	<p>dựng là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, báo cáo kết quả thẩm tra ngoài các yêu cầu riêng của chủ đầu tư, phải có kết luận đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng.
9	<p>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND ngày 24/4/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang; - Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của UBND tỉnh Hà Giang. - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Xây dựng về việc công bố TTHC ban hành mới; TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ xây dựng.